

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

ĐỀ 3

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Giá trị của chữ số 8 trong số 28 245 301 là:

- A. 8 000 B. 80 000 C. 800 000 D. 8 000 000

Phương pháp

Xác định hàng của chữ số 8 trong số đã cho rồi xác định giá trị của chữ số đó.

Cách giải

Chữ số 8 trong số 28 245 301 thuộc hàng triệu nên có giá trị là: 8 000 000

Đáp án: D

Câu 2: Số trung bình cộng của hai số là 45. Biết rằng số thứ nhất là 58. Tìm số thứ hai?

- A. 32 B. 90 C. 51 D. 18

Phương pháp

Bước 1. Tìm tổng hai số = số trung bình cộng $\times 2$

Bước 2. Số thứ hai = tổng hai số - số thứ nhất

Cách giải

Tổng hai số là $45 \times 2 = 90$

Số thứ hai là $90 - 58 = 32$

Đáp án: A

Câu 3. $3 \text{ kg } 7\text{g} = \dots\dots\dots \text{ g}$

- A. 37 g B. 307 g C. 370 g D. 3007 g

Phương pháp

Áp dụng cách đổi: $1 \text{ kg} = 1\,000 \text{ g}$

Cách giải

$3 \text{ kg } 7\text{g} = 3007 \text{ g}$

Chọn D

Câu 4. Một cửa hàng trong 2 ngày bán được 620 kg gạo. Hỏi trong 7 ngày cửa hàng bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo? (Biết số gạo mỗi ngày bán được là như nhau).

- A. 4340 kg B. 434 kg C. 217 kg D. 2170 kg

Phương pháp

- Tìm số kg gạo bán được trong 1 ngày
- Tìm số kg gạo bán được trong 7 ngày

Cách giải

Số kg gạo cửa hàng bán được trong 1 ngày là $620 : 2 = 310$ (kg)

Trong 7 ngày cửa hàng bán được số kg gạo là $310 \times 7 = 2\,170$ (kg)

Chọn D

Câu 5: Vườn rau nhà Minh có $\frac{3}{5}$ diện tích trồng rau cải, $\frac{4}{15}$ diện tích trồng rau su hào. Diện tích vườn còn lại để trồng hoa. Hỏi diện tích trồng hoa bằng bao nhiêu phần diện tích vườn rau?

A. $\frac{13}{15}$

B. $\frac{2}{15}$

C. $\frac{1}{15}$

D. $\frac{3}{20}$

Phương pháp

Bước 1. Tìm số phần diện tích trồng rau cải và trồng su hào

Bước 2. Số phần diện tích vườn rau = 1 - số phần diện tích trồng rau cải và trồng su hào

Cách giải

Số phần diện tích trồng rau cải và trồng su hào là: $\frac{3}{5} + \frac{4}{15} = \frac{13}{15}$ (vườn rau)

Số phần diện tích vườn rau $1 - \frac{13}{15} = \frac{2}{15}$ (vườn rau)

Đáp án: B

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Tìm x

a) $75 \times x = 1800$

b) $1855 : x = 35$

c) $x : 204 = 543$

Phương pháp

a) Muốn tìm thừa số chưa biết ta lấy tích chia cho thừa số đã biết

b) Muốn tìm số chia ta lấy số bị chia chia cho thương

c) Muốn tìm số bị chia ta lấy thương nhân với số chia

Lời giải

a) $75 \times x = 1800$

$$x = 1800 : 75$$

$$x = 24$$

b) $1855 : x = 35$

$$x = 1855 : 35$$

$$x = 53$$

c) $x : 204 = 543$

$$x = 543 \times 204$$

$$x = 110772$$

Câu 2: Tính:

a) $\frac{3}{8} \times \frac{4}{9} + \frac{1}{12}$

b) $\frac{11 \times 21 \times 27}{9 \times 33 \times 14}$

Phương pháp giải

- Biểu thức có phép tính cộng và phép nhân ta thực hiện phép nhân trước, phép cộng sau.
- Muốn nhân các phân số ta lấy tử số nhân với tử số, mẫu số nhân với mẫu số.

Lời giải chi tiết

a) $\frac{3}{8} \times \frac{4}{9} + \frac{1}{12} = \frac{3 \times 4}{8 \times 9} + \frac{1}{12} = \frac{3 \times 4}{4 \times 2 \times 3 \times 3} + \frac{1}{12} = \frac{1}{6} + \frac{1}{12} = \frac{2}{12} + \frac{1}{12} = \frac{3}{12} = \frac{1}{4}$

b) $\frac{11 \times 21 \times 27}{9 \times 33 \times 14} = \frac{11 \times 7 \times 3 \times 9 \times 3}{9 \times 11 \times 3 \times 7 \times 2} = \frac{3}{2}$

Câu 3. Một cửa hàng ngày thứ nhất bán 180 tạ gạo, ngày thứ hai bán 270 tạ gạo, ngày thứ ba bán kém hơn ngày thứ hai một nửa. Hỏi trung bình mỗi ngày cửa hàng bán được bao nhiêu tạ gạo?

Phương pháp

- Tìm số tạ gạo bán được trong ngày thứ ba = số tạ gạo bán trong ngày thứ hai : 2
- Tìm số tạ gạo trung bình mỗi ngày cửa hàng bán

Lời giải

Ngày thứ ba cửa hàng bán được số tạ gạo là:

$$270 : 2 = 135 \text{ (tạ)}$$

Trung bình mỗi ngày cửa hàng bán được số tạ gạo là:

$$(180 + 270 + 135) : 3 = 195 \text{ (tạ)}$$

Đáp số: 195 tạ gạo

Câu 4. Một thửa ruộng có chiều dài 150 m, chiều rộng kém chiều dài 3 lần. Người ta trồng lúa ở đó. Cứ 10m² thì thu hoạch được 5 kg thóc. Hỏi cả thửa ruộng đã thu hoạch bao nhiêu yến thóc?

Phương pháp

- Tìm chiều rộng = chiều dài : 3
- Tìm diện tích thửa ruộng = chiều dài x chiều rộng
- Tìm số kg thóc thu hoạch được = 5 x (Diện tích : 10)
- Đổi sang đơn vị yến

Lời giải

Chiều rộng của thửa ruộng là:

$$150 : 3 = 50 \text{ (m)}$$

Diện tích của thửa ruộng là:

$$150 \times 50 = 7500 \text{ (m}^2\text{)}$$

Cả thửa ruộng đã thu hoạch được số kg thóc là:

$$5 \times (7500 : 10) = 3750 \text{ (kg)}$$

$$\text{Đổi } 3750 \text{ kg} = 375 \text{ yến}$$

Đáp số: 375 yến thóc

Câu 5. Tính bằng cách hợp lý

a) $\frac{2}{7} + \frac{5}{9} + \frac{5}{7} + \frac{11}{13} + \frac{1}{3} + \frac{2}{13}$.

b) $\frac{1}{2} \times \frac{6}{13} + \frac{1}{3} \times \frac{6}{13} + \frac{1}{4} \times \frac{6}{13}$

Phương pháp giải

a) Nhóm các phân số có cùng mẫu số rồi thực hiện cộng các phân số.

b) Lấy phân số $\frac{6}{13}$ làm nhân tử chung rồi nhân với tổng của các phân số còn lại.

Lời giải chi tiết

a) $\frac{2}{7} + \frac{5}{9} + \frac{5}{7} + \frac{11}{13} + \frac{1}{3} + \frac{2}{13}$

$$= \left(\frac{2}{7} + \frac{5}{7} \right) + \left(\frac{11}{13} + \frac{2}{13} \right) + \left(\frac{5}{9} + \frac{1}{3} \right)$$

$$= 1 + 1 + \left(\frac{5}{9} + \frac{3}{9} \right)$$

$$= 2 + \frac{8}{9}$$

$$= \frac{18}{9} + \frac{8}{9}$$

$$= \frac{26}{9}$$

b) $\frac{1}{2} \times \frac{6}{13} + \frac{1}{3} \times \frac{6}{13} + \frac{1}{4} \times \frac{6}{13}$

$$= \frac{6}{13} \times \left(\frac{1}{2} + \frac{1}{3} + \frac{1}{4} \right)$$

$$= \frac{6}{13} \times \left(\frac{6}{12} + \frac{4}{12} + \frac{3}{12} \right)$$

$$= \frac{6}{13} \times \frac{13}{12} = \frac{1}{2}$$

-----HẾT-----